

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2022

“V/v: ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, thành phố K, tỉnh K. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1993; địa chỉ Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Trọng N tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Cẩm, thành phố K, tỉnh K vào năm 2018, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 thì tôi và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc, từ tháng 7/2021 chúng tôi sống ly thân, nhận thấy, giữa tôi và anh N mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng bất thành, cả hai không còn tình cảm yêu thương tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa, trong bản tự khai đề ngày 23/3/2022, anh Nguyễn Trọng N trình bày:

Tôi và chị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến kinh cãi. Hiện hai vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi đồng ý ly hôn với chị L. Tôi và chị L không có con chung, không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng N, địa chỉ: Tổ 7, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa bị đơn anh N vắng mặt lần thứ hai, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L và anh N có mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2021 đến nay, theo chị L và anh N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống. Nên cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin được ly hôn và anh N cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị L và anh N như vậy là trầm trọng, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N và anh N cũng đã đồng ý, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung và N vụ chung về tài sản: Cả hai đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ L ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011708 ngày 07 tháng 3 năm

2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (06/7/2022) nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã Đăk Cấm, thành phố K;
(để ghi vào sổ hộ tịch, ĐKKH số 41/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn